

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MSC

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

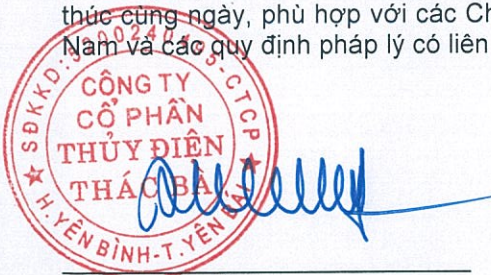
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61201381/21043223/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2019

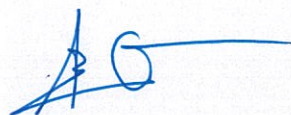
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		248.689.319.795	582.281.076.283
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	35.685.593.416	79.328.695.146
111	1. Tiền		14.435.593.416	28.268.695.146
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.250.000.000	51.060.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		39.459.000.000	408.676.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.1	39.459.000.000	408.676.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		101.178.149.291	90.092.415.994
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	98.936.256.317	79.632.459.686
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		376.599.089	841.277.110
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.928.308.522	11.387.655.949
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.063.014.637)	(1.768.976.751)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.690.271.052	4.183.465.143
141	1. Hàng tồn kho		4.690.271.052	4.183.465.143
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		67.676.306.036	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		62.286.673.261	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	5.389.632.775	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.392.231.459.958	423.727.674.667
220	I. Tài sản cố định		1.147.021.849.043	344.425.784.719
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.130.352.623.765	327.383.457.505
222	Nguyên giá		2.548.436.786.453	1.461.989.223.503
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.418.084.162.688)	(1.134.605.765.998)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	16.669.225.278	17.042.327.214
228	Nguyên giá		20.680.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.011.097.122)	(3.592.995.186)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		326.880.102	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		326.880.102	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		81.169.000.000	78.430.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.2	81.169.000.000	81.169.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(2.739.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		163.713.730.813	871.889.948
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.579.685.726	871.889.948
269	2. Lợi thế thương mại	12	161.134.045.087	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.640.920.779.753	1.006.008.750.950

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		495.408.364.396	120.402.315.195
310	I. Nợ ngắn hạn		121.221.154.541	120.402.315.195
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	20.629.307.431	3.536.782.945
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.290.958.094	2.353.290.631
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.743.165.800	1.225.392.596
314	4. Phải trả người lao động		6.477.863.062	10.421.570.172
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.158.821.773	2.487.077.894
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	39.147.250.399	99.227.343.572
320	7. Vay ngắn hạn	17	43.160.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	1.613.787.982	1.150.857.385
330	II. Nợ dài hạn		374.187.209.855	-
338	1. Vay dài hạn	17	374.187.209.855	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.145.512.415.357	885.606.435.755
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.145.512.415.357	885.606.435.755
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		341.805.052.940	250.606.435.755
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		215.068.435.755	140.309.192.410
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		126.736.617.185	110.297.243.345
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		168.707.362.417	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.640.920.779.753	1.006.008.750.950




Người lập
Nguyễn Trung Hiếu



Kế toán trưởng
Lê Hồng Minh



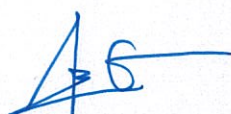

Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	296.912.447.278	396.075.329.219
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	296.912.447.278	396.075.329.219
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(124.148.506.968)	(134.013.647.511)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		172.763.940.310	262.061.681.708
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	30.575.994.924	33.434.184.502
22	7. Chi phí tài chính	23	(11.389.237.042)	(2.739.000.000)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		14.128.237.042	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(33.405.762.789)	(37.631.163.273)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		158.544.935.403	255.125.702.937
31	11. Thu nhập khác		566.868.803	1.150.739.384
32	12. Chi phí khác		(496.053.442)	(507.835.359)
40	13. Lợi nhuận khác		70.815.361	642.904.025
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		158.615.750.764	255.768.606.962
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(30.510.880.497)	(50.221.363.617)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		128.104.870.267	205.547.243.345
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		126.736.617.185	205.547.243.345
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.368.253.082	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.996	3.182
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	1.996	3.182



Người lập
Nguyễn Trung Hiếu



Kế toán trưởng
Lê Hồng Minh




Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		158.615.750.764	255.768.606.962
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		53.127.998.003	45.045.978.360
03	(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng		(2.444.962.114)	3.796.249.212
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.575.994.924)	(34.127.709.816)
06	Chi phí lãi vay	23	14.128.237.042	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		192.851.028.771	270.483.124.718
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		114.728.004.923	(7.554.287.065)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(506.805.909)	214.217.548
11	Giảm các khoản phải trả		(4.168.977.017)	(6.283.921.612)
12	Tăng chi phí trả trước		(826.128.524)	(725.213.724)
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.979.250.741)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(35.098.798.715)	(49.049.385.588)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		51.420.000	21.580.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.031.759.091)	(2.196.169.569)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		255.018.733.697	204.909.944.708
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(741.323.555.492)	(4.616.049.557)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	897.725.000
23	Tiền chi cho vay, mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(255.639.500.000)	(408.676.500.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		445.557.000.000	323.577.281.448
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(15.554.015.995)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.874.828.875	30.393.038.778
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(530.085.242.612)	(58.424.504.331)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		360.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.580.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(126.996.592.815)	(82.311.800.438)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		231.423.407.185	(82.311.800.438)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(43.643.101.730)	64.173.639.939
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		79.328.695.146	15.155.055.207
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	35.685.593.416	79.328.695.146



Người lập
Nguyễn Trung Hiếu



Kế toán trưởng
Lê Hồng Minh




Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 165 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 126 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con với thông tin chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con theo quy chế tài chính của Công ty và công ty con và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

Vào ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty đã mua 25.260.000 cổ phần, tương ứng với 50,94% tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum, một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 22 tháng 10 năm 2019. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng. Theo đó, Cổ phần Thủy điện Mường Hum đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum tại ngày mua được Công ty xác định dựa trên ước tính tạm thời (là giá trị ghi sổ) như được trình bày dưới đây do Công ty đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn độc lập để đánh giá và xác định giá trị hợp lý các khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị tạm tính tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	284.445.984.005
Các khoản phải thu ngắn hạn	144.940.068.906
Tài sản ngắn hạn khác	55.142.847.188
Tài sản cố định	764.563.259.582
Tài sản dài hạn khác	881.667.254
	1.249.973.826.935
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	662.763.059.870
Vay	238.227.209.855
Phải trả khác	7.885.401.708
	908.875.671.433
Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ [a]	341.098.155.502
Cổ đông không kiểm soát (<i>Thuyết minh số 19</i>) [b]	167.339.109.335
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 12</i>) [c]	163.865.130.597
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a – b + c]	337.624.176.764
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	284.445.984.005
Tiền chi để mua công ty con	(300.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	(15.554.015.995)

Kể từ ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum đã đóng góp 2.789.002.319 VND vào lợi nhuận trước thuế cho kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	318.928.903	186.143.543
Tiền gửi ngân hàng	14.066.664.513	28.082.551.603
Tiền đang chuyển	50.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	21.250.000.000	51.060.000.000
TỔNG CỘNG	<u>35.685.593.416</u>	<u>79.328.695.146</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 0,5%/năm tới 4,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5%/năm tới 5,3%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	39.459.000.000	39.459.000.000	408.676.500.000	408.676.500.000
TỔNG CỘNG	<u>39.459.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>	<u>408.676.500.000</u>	<u>408.676.500.000</u>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại ngân hàng thương mại với mức lãi suất 6,5%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng) và từ 7,2%/năm đến 7,4%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	0,6%	32.619.000.000	-	40.380.000.000	0,6%	32.619.000.000	(2.739.000.000)	29.880.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)
TỔNG CỘNG		81.169.000.000	-			81.169.000.000	(2.739.000.000)	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng với 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối cùng có giao dịch trong tháng 12 năm 2019 là 13.460 VND/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ số dư dự phòng cho khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị 2.739.000.000 VND và ghi giảm vào chi phí tài chính trong năm.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng với 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	5.409.996.682	3.850.312.770
- Công ty TNHH Xây Dựng Hưng Hải	4.290.969.910	2.519.715.223
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện I	-	910.225.467
- Phải thu của khách hàng khác	1.119.026.772	420.372.080
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	93.526.259.635	75.782.146.916
TỔNG CỘNG	98.936.256.317	79.632.459.686
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.063.014.637)	(1.768.976.751)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	947.382.152	10.193.320.979
Phải thu tiền cổ tức	1.500.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	510.942.564	188.650.000
Phải thu khác	969.983.806	1.005.684.970
TỔNG CỘNG	3.928.308.522	11.387.655.949

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.041.256.079	-	3.978.602.884	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	583.468.623	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	65.546.350	-	204.862.259	-
TỔNG CỘNG	4.690.271.052	-	4.183.465.143	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	651.758.384.032	785.950.504.303	19.021.312.681	5.141.567.942	117.454.545	1.461.989.223.503
- Đầu tư XD CB hoàn thành	61.684.669.346	21.911.283.636	786.600.000	1.426.199.212	-	85.808.752.194
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	631.481.682.819	363.492.841.366	4.341.224.972	489.962.644	833.098.955	1.000.638.810.756
Số cuối năm	<u>1.344.924.736.197</u>	<u>1.171.354.629.305</u>	<u>24.149.137.653</u>	<u>7.057.729.798</u>	<u>950.553.500</u>	<u>2.548.436.786.453</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>13.020.671.339</i>	<i>430.134.356.106</i>	<i>11.490.201.162</i>	<i>4.497.126.883</i>	<i>-</i>	<i>459.142.355.490</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	474.717.318.443	641.630.935.963	13.494.805.524	4.686.046.395	76.659.673	1.134.605.765.998
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	134.481.456	231.941.496.841	389.202.042	316.004.470	657.235.528	233.438.420.337
- Khấu hao trong năm	23.382.787.557	25.490.873.087	879.870.529	258.312.609	28.132.571	50.039.976.353
Số cuối năm	<u>498.234.587.456</u>	<u>899.063.305.891</u>	<u>14.763.878.095</u>	<u>5.260.363.474</u>	<u>762.027.772</u>	<u>1.418.084.162.688</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>177.041.065.589</u>	<u>144.319.568.340</u>	<u>5.526.507.157</u>	<u>455.521.547</u>	<u>40.794.872</u>	<u>327.383.457.505</u>
Số cuối năm	<u>846.690.148.741</u>	<u>272.291.323.414</u>	<u>9.385.259.558</u>	<u>1.797.366.324</u>	<u>188.525.728</u>	<u>1.130.352.623.765</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	45.000.000	45.000.000
Số cuối năm	20.558.322.400	122.000.000	20.680.322.400
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	77.000.000	77.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	3.515.995.186	77.000.000	3.592.995.186
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	4.435.484	4.435.484
Hao mòn trong năm	411.166.452	2.500.000	413.666.452
Số cuối năm	3.927.161.638	83.935.484	4.011.097.122
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	17.042.327.214	-	17.042.327.214
Số cuối năm	16.631.160.762	38.064.516	16.669.225.278

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Thủy
điện Mường Hum

Nguyên giá:		
Số đầu năm		-
- Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)		163.865.130.597
Số cuối năm		163.865.130.597
Phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		-
- Phân bổ trong năm		2.731.085.510
Số cuối năm		2.731.085.510
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		-
Số cuối năm		161.134.045.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ	13.305.271.654	13.305.271.654	-	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	-	-	1.425.600.000	1.425.600.000
Công ty TNHH Công nghệ Trung Sơn	-	-	732.600.000	732.600.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	7.324.035.777	7.324.035.777	1.378.582.945	1.378.582.945
TỔNG CỘNG	20.629.307.431	20.629.307.431	3.536.782.945	3.536.782.945

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	634.125.450	30.510.880.497	-	(35.098.798.715)	(3.953.792.768)
Thuế tài nguyên	202.465.111	29.831.139.585	594.163.992	(31.591.880.912)	(964.112.224)
Thuế giá trị gia tăng	363.084.614	24.633.050.364	-	(25.467.862.761)	(471.727.783)
Thuế thu nhập cá nhân	25.717.421	2.030.021.628	-	(1.889.730.153)	166.008.896
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	5.165.740.174	417.648.465	(4.798.801.435)	784.587.204
Phí môi trường rừng	-	397.917.288	394.652.412	-	792.569.700
Thuế khác	-	147.678.047	-	(147.678.047)	-
TỔNG CỘNG	1.225.392.596	92.716.427.583	1.406.464.869	(98.994.752.023)	(3.646.466.975)
Trong đó:					
Thuế phải nộp	1.225.392.596				1.743.165.800
Thuế phải thu	-				(5.389.632.775)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	5.148.986.301	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.009.835.472	2.487.077.894
TỔNG CỘNG	6.158.821.773	2.487.077.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	157.449.249	95.404.042.064
Phí bảo vệ môi trường rừng	1.325.712.096	3.692.458.188
Phải trả tiền mua cổ phần (*)	37.409.631.309	-
Khác	254.457.745	130.843.320
TỔNG CỘNG	<u>39.147.250.399</u>	<u>99.227.343.572</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn với bên khác</i>	39.147.250.399	13.104.591.572
<i>Phải trả ngắn hạn với bên liên quan</i>	-	86.122.752.000

(*) Đây là số tiền Công ty còn phải trả các cổ đông cũ của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum liên quan Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 354/2019/HĐCNCP ngày 20 tháng 3 năm 2019 (Thuyết minh số 4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 17.1)	-	-	6.320.000.000	37.580.000.000	(1.580.000.000)	42.320.000.000	42.320.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân (Thuyết minh số 17.2)	-	-	840.000.000	-	-	840.000.000	840.000.000
	-	-	7.160.000.000	37.580.000.000	(1.580.000.000)	43.160.000.000	43.160.000.000
Vay dài hạn							
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	-	-	51.767.209.855	360.000.000.000	(37.580.000.000)	374.187.209.855	374.187.209.855
	-	-	51.767.209.855	360.000.000.000	(37.580.000.000)	374.187.209.855	374.187.209.855
TỔNG CỘNG	-	-	58.927.209.855	397.580.000.000	(39.160.000.000)	417.347.209.855	417.347.209.855

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội				
01/2019-HDDCVDADDT/NHCT106-MHP	360.000.000.000	Gốc và lãi trả hàng quý, đến tháng 9 năm 2026	9,85%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy thủy điện Mường Hum, tại xã Mường Hum, xã Dền Thành và xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai.
01/2017/HĐCVDADT/NHCT106-MƯỜNGHUM	56.507.209.855	Gốc và lãi trả hàng quý, đến tháng 7 năm 2028	11,15%	Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo hình thành từ vốn vay và vốn tự có; nhận tài sản đảm bảo bổ sung là quyền tài sản phát sinh từ dự án
TỔNG CỘNG	<u>416.507.209.855</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	42.320.000.000			
<i>Vay dài hạn</i>	374.187.209.855			

17.2 Vay ngắn hạn cá nhân

<i>Đối tượng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Nguyễn Văn Ngọc	840.000.000	Gốc phải trả vào ngày 15 tháng 4 năm 2019	0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>840.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	1.150.857.385	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 19.1)	3.500.000.000	3.500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(3.037.069.403)	(2.349.142.615)
Số cuối năm	<u>1.613.787.982</u>	<u>1.150.857.385</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	635.000.000.000	226.626.216.410	-	861.626.216.410
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	205.547.243.345	-	205.547.243.345
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(177.800.000.000)	-	(177.800.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	-	(267.024.000)
Số cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>250.606.435.755</u>	-	<u>885.606.435.755</u>
Năm nay				
Số đầu năm	635.000.000.000	250.606.435.755	-	885.606.435.755
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	126.736.617.185	1.368.253.082	128.104.870.267
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	-	-	167.339.109.335	167.339.109.335
- Trích quỹ khen thưởng (*) (Thuyết minh số 18)	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	(31.750.000.000)	-	(31.750.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(288.000.000)	-	(288.000.000)
Số cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>341.805.052.940</u>	<u>168.707.362.417</u>	<u>1.145.512.415.357</u>

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức đợt 2 và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 được thực hiện theo Nghị quyết số 246/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 3 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
TỔNG CỘNG	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	31.750.000.000	177.800.000.000
Cổ tức đã trả	126.996.592.815	82.311.800.438

19.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Thanh toán cổ tức cho năm 2018 đợt 2: 500 VND/cổ phiếu	31.750.000.000	-
Cổ tức cho năm 2018 đợt 1: 1.500 VND/cổ phiếu	-	95.250.000.000
Cổ tức cho năm 2017 đợt 2: 1.300 VND/cổ phiếu	-	82.550.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	337	363

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	296.912.447.278	396.075.329.219
Trong đó		
Doanh thu bán điện	286.108.546.023	381.583.540.412
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.803.901.255	14.491.788.807
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	296.912.447.278	396.075.329.219
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	10.803.901.255	14.491.788.807
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	286.108.546.023	381.583.540.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	23.325.994.924	27.884.184.502
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.250.000.000	5.550.000.000
TỔNG CỘNG	<u>30.575.994.924</u>	<u>33.434.184.502</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	120.648.567.745	128.982.127.208
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.499.939.223	5.031.520.303
TỔNG CỘNG	<u>124.148.506.968</u>	<u>134.013.647.511</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	14.128.237.042	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.739.000.000)	2.739.000.000
TỔNG CỘNG	<u>11.389.237.042</u>	<u>2.739.000.000</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	15.040.710.897	15.667.236.334
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.114.198.056	2.071.078.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.010.534.562	8.667.720.673
Chi phí khác	8.240.319.274	11.225.128.139
TỔNG CỘNG	<u>33.405.762.789</u>	<u>37.631.163.273</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.992.655.876	4.056.130.528
Chi phí nhân công	37.484.106.549	40.455.248.957
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	53.184.728.315	45.045.978.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.930.258.667	14.551.903.649
Chi phí khác	51.469.326.259	67.535.549.290
TỔNG CỘNG	<u>158.061.075.666</u>	<u>171.644.810.784</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.299.948.791	50.330.988.903
Điều chỉnh thuế trích thiếu/(thừa) các năm trước	210.931.706	(109.625.286)
TỔNG CỘNG	<u>30.510.880.497</u>	<u>50.221.363.617</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	158.615.750.764	255.768.606.962
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty và công ty con	31.723.150.153	51.153.721.393
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí hỗ trợ không được khấu trừ	-	160.000.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	2.358.261.626	-
Phân bổ lợi thế thương mại	546.217.102	-
Chi phí không được khấu trừ khác	38.382.000	127.267.510
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.916.062.090)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.450.000.000)	(1.110.000.000)
Chi phí thuế TNDN	<u>30.299.948.791</u>	<u>50.330.988.903</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con của Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum có khoản lỗ tính thuế lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế tại ngày thành con của Công ty (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
2018	2023	15.737.045.550	(14.580.310.448)	-	1.156.735.102

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế của Công ty con

Công ty và công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do chưa thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Đơn vị tính: VND
				Năm trước
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	286.108.546.023	381.583.540.412
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	19.182.584.000	107.422.470.400
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	9.525.000.000	53.340.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	93.526.259.635	75.782.146.916
			93.526.259.635	75.782.146.916

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.665.259.914	2.117.356.854
Thù lao Hội đồng Quản trị	360.000.000	288.000.000
TỔNG CỘNG	3.025.259.914	2.405.356.854

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	126.736.617.185	205.547.243.345
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	-	(3.500.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	126.736.617.185	202.047.243.345
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.996	3.182
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.996	3.182

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

